

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 05 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp chia tài sản chung  
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tư

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Ông Lê Nguyên Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Trần Ngọc Bích –  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLPT - HNGĐ, ngày 28 tháng 3  
năm 2022 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05  
tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 19/2022/QĐ-PT ngày 24  
tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đan T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1498, Tổ 8, Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn có Luật sư Nguyễn  
Thành Đ– Công ty Luật TNHH Chính Đạt, Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ  
(Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Biện Công Th, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 1498, Tổ 8, Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1963 (mẹ ruột anh Th) (Vắng mặt).

2. Ông Biện Công M, sinh năm 1956 (cha ruột anh Th) (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X2, xã Y2, Z2, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 1498, tổ 8, Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Ông Biện Công Th – Là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đan T trình bày:*

Chị và anh Th là vợ chồng, nhưng đã thuận tình ly hôn vào năm 2016. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình chung sống, vào năm 2013 anh, chị có nhận chuyển nhượng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 37, diện tích là 160.9m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long, sau khi nhận chuyển nhượng anh Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu mái lợp tole, nền lát gạch men, vách tường.

Nay chị yêu cầu chia đôi tài sản nêu trên, chị xin nhận nhà và đất, chị đồng ý thôi lại ½ giá trị nhà và đất cho anh Th.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Biện Công Th trình bày:* Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T, do đó là tài sản mà cha mẹ anh cho tiền mua đất và cho tiền cất nhà, cho vào cuối năm 2012 và đầu năm 2013. Cha mẹ anh ở Z1, nhiều lần anh chạy về Z1 lấy tiền, có lần thì cả cha mẹ đem lên Z cho anh. Khi mua đất thì anh là người trực tiếp chạy về Z1 lấy tiền từ cha mẹ, anh lấy 60.000.000 đồng, lẽ ra cha mẹ anh phải đứng tên nhưng tại cha mẹ anh ở xa nên

mới để anh đứng tên, giá trị thửa đất số 71 lúc mua có giá là 280.000.000 đồng, chia làm 03 lần trả cho người bán, lần 01 trả 60.000.000 đồng, lần này anh chạy trực tiếp về Z1 nhận từ cha mẹ; lần 02 trả 200.000.000 đồng, lần này cha mẹ anh trực tiếp đem lên; lần 03 là trả 20.000.000 đồng, cha mẹ anh trực tiếp mang lên. Khi cha mẹ mang tiền lên thì đưa riêng cho anh, chị T không thấy.

Khi cất nhà thì anh là người trực tiếp trông coi, số tiền bỏ ra để cất nhà khoảng 500.000.000 đồng, tất cả số tiền bỏ ra cất nhà là cha mẹ anh cho và trực tiếp đem lên cho anh, khi đưa tiền thì chị T cũng không có thấy. Khi mua đất và cất nhà thì vợ chồng không có bàn bạc, vì tiền mua đất và cất nhà hoàn toàn là của cha mẹ anh, cha mẹ tự chọn nơi mua đất và cất nhà và làm tất cả nên chỉ cho riêng anh đứng tên.

Nay anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, vì tất cả tài sản đó là của cha mẹ anh, anh chỉ đứng tên thay cha mẹ anh. Nên anh không có quyền chia đối với tài sản đó. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang quản lý, không có thể chấp vay ngân hàng hay sử dụng vào việc gì.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị N trình bày:*

Vào khoảng tháng 12/2012, bà T2 cần bán thửa đất số 71, T điện thoại cho bà và chồng bà lên để thoả thuận mua đất, khi gặp bà T2 thoả thuận mua miếng đất giá 280.000.000 đồng, chia làm 03 lần trả, lần 01 T chạy trực tiếp về Z1, bà đưa cho T 60.000.000 đồng, lần 02 bà tự đem lên 200.000.000 đồng đưa cho T, lần 03 cất nhà xong bà đưa cho T 20.000.000 đồng để trả, lúc đưa thì Th không thấy, tại vì bà mua đất cho con bà là T chứ không có mua cho Th, nên tất cả các lần đưa tiền thì bà đều đưa cho T. Khi bà đưa tiền thì không có ai thấy và cũng có làm giấy tờ gì, vì là mẹ con.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T, hiện tại T không có nhà để ở nên bà vẫn đồng ý để nhà và đất cho T trực tiếp ở, không đồng ý chia cho chị T và bà không có yêu cầu độc lập để đòi lại số tiền bà bỏ ra để mua nhà và đất đó, vì bà đã cho anh Th rồi.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước L trình bày:*

Ông có thuê nhà của anh Th, có lập hợp đồng nhưng do bị rách nên ông không còn giữ, việc ký hợp đồng là do vợ ông tên Huỳnh Thị Ph trực tiếp ký với anh Th,

vợ chồng ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, nếu cần thiết vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận với anh Th. Ông bà xin vắng mặt và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa, vì ông bà bận buôn bán.

*\*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 39, 43, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 100 và 166 của Luật đất đai; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Đan T.

Công nhận thửa đất số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 trên đất có kết cấu móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái lợp tole có trần là tài sản chung của chị Nguyễn Ngọc Đan T và anh Biện Công Th.

Giao cho chị Nguyễn Ngọc Đan T được quyền sử dụng thửa số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và sở hữu căn nhà cấp 4 trên đất có kết cấu móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái lợp tole có trần.

Kèm theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 27/01/2020.

Buộc chị Nguyễn Ngọc Đan T phải trả cho anh Biện Công Th ½ giá trị đất và nhà với số tiền 274.031.500 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Chị Nguyễn Ngọc Đan T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và nhà theo quy định của pháp luật sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả giá trị đất và nhà cho anh Biện Công Th.

Dành riêng cho ông Nguyễn Phước L và bà Huỳnh Thị Ph một vụ kiện khác về tranh chấp hợp đồng thuê nhà đối với anh Biện Công Th khi ông bà có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản; về án phí; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/01/2022 bị đơn Biện Công Th kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đan T, công nhận đất thừa số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 trên đất là tài sản riêng của anh Th và giao cho anh Th tiếp tục quản lý, sử dụng. Anh Th đồng ý chia cho chị T công sức đóng góp tương đương ½ giá trị nhà và đất tại thửa 71 với số tiền là 274.031.500đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Biện Công Th đồng ý chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất thừa số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long có gắn căn nhà cấp 4, anh Th yêu cầu nhận nhà, đất và hoàn lại 50% giá trị tài sản cho chị T tương đương số tiền 538.323.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2022 và tự nguyện nộp toàn bộ chi phí định giá tại giai đoạn phúc thẩm số tiền 2.700.000đồng.

Bài phát biểu của luật sư Nguyễn Thành Đạt: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Biện Công Th; giữ nguyên án sơ thẩm; giao nhà, đất cho nguyên đơn chị T, chị T sẽ trả ½ giá trị nhà, đất cho anh Th theo giá của Hội đồng định giá.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của bị đơn Biện Công Th; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa án sơ thẩm; giao nhà, đất thuộc thửa 71 cho anh Th, anh Th có nghĩa vụ trả lại ½ giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá giai đoạn phúc thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện anh Th nộp toàn bộ chi phí định giá tại giai đoạn phúc thẩm. Anh Th không phải nộp án phí phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/01/2022 bị đơn Biện Công Th kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của anh Th được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Th yêu cầu chia đôi thửa số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long có gắn căn nhà cấp 4, anh Th yêu cầu nhận nhà, đất và hoàn lại 50% giá trị tài sản cho chị T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2022 của Hội đồng định giá xác định giá đất tại thửa đất số 71, diện tích 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long là 4.200.000 đồng/m<sup>2</sup>; giá trị căn nhà cấp 4 là 413.465.518 đồng, chị T, anh Th thống nhất với giá nhà và đất theo biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2022, do đó Hội đồng xét xử thống nhất lấy giá trị thửa đất 71 là 4.200.000 đồng/m<sup>2</sup> x 157,9m<sup>2</sup> = 663.180.000 đồng và giá trị căn nhà cấp 4 là 413.465.518 đồng làm căn cứ giải quyết vụ án. Như vậy, tổng cộng giá trị nhà và đất tại thửa 71 là 1.076.646.000đồng.

[3] Xét về nguồn gốc thửa đất số 71, diện tích 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà gắn trên thửa 71. Theo chị T trình bày, nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Thanh T2 vào năm 2013, sau khi nhận chuyển nhượng anh Th là người đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 2014 vợ chồng cất nhà cấp 4. Nguồn tiền mua đất và cất nhà là do vợ chồng dành dụm và cha mẹ hai bên cho thêm. Sau khi ly hôn, chị T dẫn cháu Thư ra ngoài sinh sống và hiện nay chị T và cháu Thư sống tại nhà cha mẹ ruột của chị T. Trong khi đó anh Th cho rằng nguồn gốc thửa đất số 71 là do anh nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Thanh T2 vào năm 2013, nguồn tiền nhận chuyển nhượng là do cha mẹ anh cho riêng anh nên sau khi nhận chuyển nhượng anh Th là người đứng tên quyền sử dụng đất đến năm 2014 cha mẹ cho tiền cất nhà nên đây là tài sản riêng của cá nhân anh Th. Nay chị T yêu cầu chia đôi nhà, đất thì anh Th đồng ý chia nhưng anh Th yêu cầu được nhận nhà và đất và hoàn lại cho chị T 50% giá trị tài sản vì anh Th muốn gìn giữ tài sản mà cha mẹ cho. Xét lời trình bày của chị T cho rằng nguồn tiền mua đất và cất nhà có một phần của gia đình chị T cho, tuy nhiên anh Th không thừa nhận việc gia

đình của chị T có đóng góp vào khối tài sản này, chị T không có căn cứ chứng minh gia đình chị có đóng góp, trong khi đó chị T cũng có thừa nhận bên gia đình anh Th có cho tiền để mua đất, cất nhà. Anh Th và chị T cùng thống nhất trình bày thu nhập của vợ chồng trước khi ly hôn khoảng 10.000.000 đồng/tháng chưa trừ chi phí kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình, ngoài ra vợ chồng không có nguồn thu nhập khác, do đó có căn cứ xác định nguồn tiền mua đất cất nhà có phần đóng góp của gia đình anh Th. Sau khi ly hôn, anh Th trực tiếp quản lý nhà và đất, chị T không ở tại căn nhà nêu trên mà hiện tại đang sinh sống ổn định tại nhà cha mẹ ruột của chị T, còn anh Th tuy không sử dụng căn nhà mà cho người khác thuê, anh Th thuê nhà trọ khác để ở nhằm mục đích lấy tiền chênh lệch để lo sinh hoạt và thanh toán các khoản nợ trước đây của vợ chồng. Do đó, anh Th yêu cầu được nhận nhà, đất và hoàn lại 50% giá trị tài sản cho chị T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tổng cộng giá trị nhà và đất tại thửa đất 71 là 1.076.646.000 đồng. Chị T, anh Th mỗi người được chia 50% giá trị tài sản tương đương số tiền 538.323.000 đồng. Do giao thửa đất số 71, diện tích đo đạc 157,9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà gắn trên thửa 71 cho anh Th quản lý và sử dụng nên anh Th có nghĩa vụ giao lại cho chị T số tiền 538.323.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của anh Th; Sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Anh Biện Công Th không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 2.700.000 đồng. Tại phiên tòa anh Th tự nguyện nộp toàn bộ chi phí nên ghi nhận.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Biện Công Th; Sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 39, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc Đan T.

1. Công nhận thửa đất số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 trên đất có kết cấu móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái lợp tole có trần là tài sản chung của chị Nguyễn Ngọc Đan T và anh Biện Công Th.

2. Giao cho anh Biện Công Th được quyền sử dụng thửa số 71, diện tích thực đo 157.9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 37, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long và sở hữu căn nhà cấp 4 trên đất có kết cấu móng cột khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái lợp tole có trần.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 27/01/2020).

Anh Biện Công Th có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Buộc anh Biện Công Th phải trả cho chị Nguyễn Ngọc Đan T ½ giá trị đất và nhà với số tiền 538.323.000 đồng (Năm trăm ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba ngàn đồng).



4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### 5. Về án phí:

##### 5.1 Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc Đan T phải chịu án phí sơ thẩm là 25.533.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.867.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010186 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Ngọc Đan T còn phải nộp tiếp 19.666.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí.

Anh Biện Công Th chịu án phí sơ thẩm là 25.533.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng).

5.2 Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Biện Công Th số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0012457 ngày 20/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long.

6. Về chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Anh Th tự nguyện nộp toàn bộ, đã nộp xong.

7. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TX.BM 01;
- Chi cục TX.BM; 01;
- Đ/s: 06;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tư**